



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIỂN ĐỚI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG II/2019**



HÀ NỘI, THÁNG III/2019

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG II/2019	1
1. Vùng Tây Bắc	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	3
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ.....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên	9
9. Vùng Nam Bộ	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG II/2019	12
1. Đối với cây lúa	12
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp.....	14
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG III-V NĂM 2019.....	16
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	16
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO	17

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG II/2019

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng II/2019 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,3^{\circ}\text{C}$ đến $5,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -62mm đến 73mm . (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -175 giờ đến 123 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -11% đến 8%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng II/2019 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

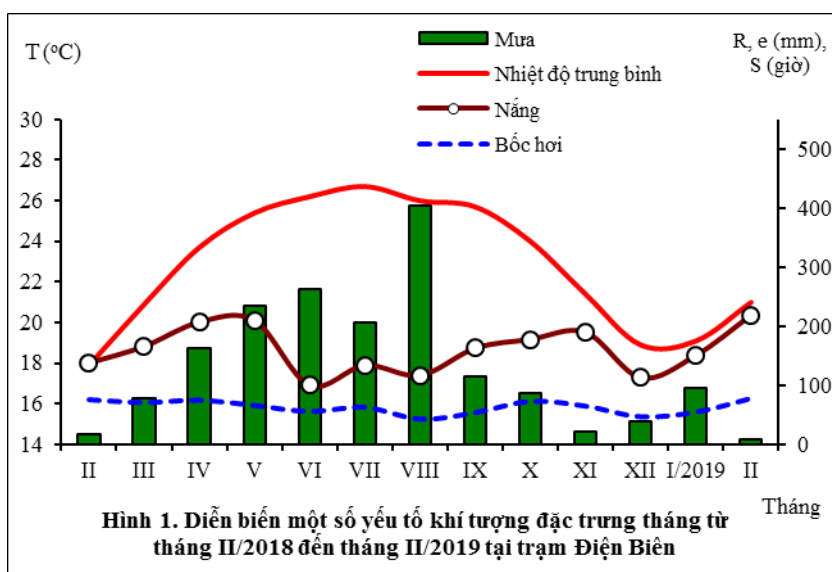
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $2,1$ đến $5,4^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $15,1^{\circ}\text{C}$ đến $23,0^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $10,7^{\circ}\text{C}$ đến $20,0^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $2,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 11/II tại Mai Châu.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $21,7^{\circ}\text{C}$ đến $31,1^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $36,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 8/II tại Lạc Sơn. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng II đến tháng II/2019 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng II/2019 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ 5mm đến 31mm , lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -34mm



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II/2018 đến tháng II/2019 tại trạm Điện Biên

đến -10mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất khu vực Lai Châu phổ biến từ 3mm đến 24mm, cao nhất là 27mm xảy ra vào ngày 18/II tại Mộc Châu.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 đến 5 ngày, ngoại trừ khu vực Kim Bôi cao hơn (12 ngày) và Lạc Sơn (10 ngày). Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng II đến tháng II/2019 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng II/2019 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 33 giờ đến 102 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 80 giờ đến 247 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2019 dao động từ 68% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -11% đến 4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 20% xảy ra vào ngày 7/II tại Mộc Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng II/2019 có giá trị phổ biến từ 44mm đến 97mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (22mm đến 77mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 11mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 đến 3 ngày.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1- 2 ngày với cường độ nhẹ

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 3 ngày

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng II/2019 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (4,0⁰C đến 5,6⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

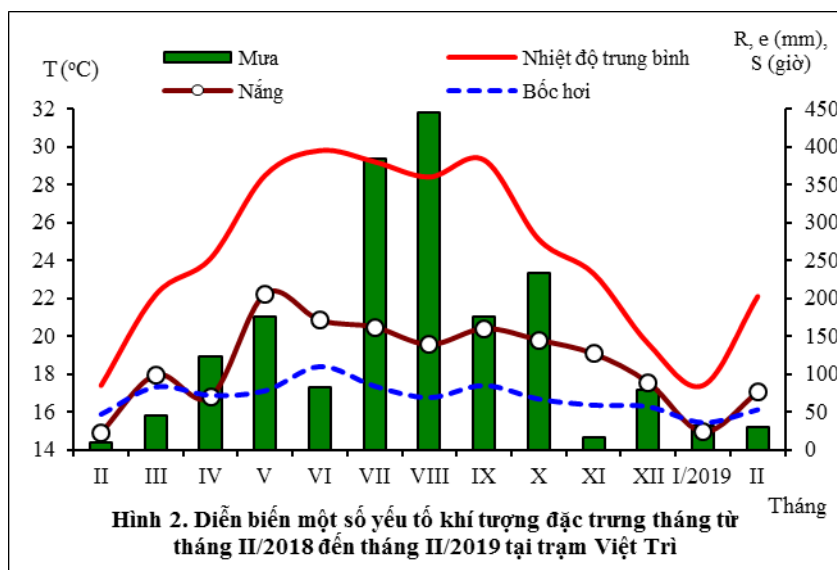
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 15,5⁰C đến 22,3⁰C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 12,5⁰C đến 20,2⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 7,9⁰C xảy ra vào ngày 5/II tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 19,5⁰C đến 27,2⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 32,7⁰C xảy ra vào ngày 8/II tại Bảo Lạc.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 20mm đến 82mm, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -42mm đến 35mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng II đến tháng II/2019 ở trạm Việt



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II/2018 đến tháng II/2019 tại trạm Việt Trì

Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 11 mm đến 65mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 3 - 13 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 16 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng II/2019 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 67 giờ đến 209 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (23 giờ đến 91 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2019 phổ biến từ 75 đến 88%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-10% đến 3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 19%, xảy ra vào ngày 9/II tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 36mm đến 106mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-23mm đến 69mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 11mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 đến 11 ngày.

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 4 ngày

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

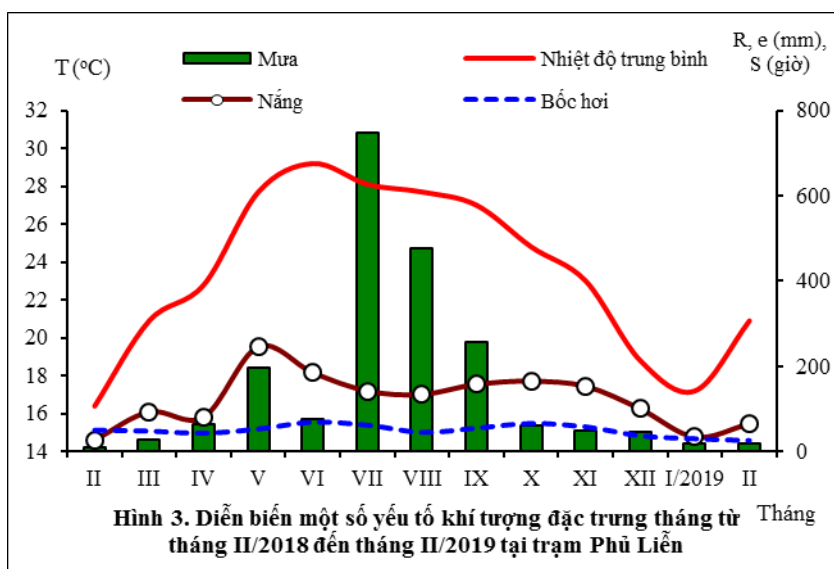
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3,5⁰C đến 4,6⁰C; có giá trị dao động từ 17,3⁰C đến 21,8⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 21,3⁰C đến 25,6⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 32,9⁰C xảy ra vào các ngày 7/II tại Cao Bằng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,5⁰C đến 19,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 8,6⁰C xảy ra vào ngày 24/II tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng II/2019 dao động phổ biến từ 13mm đến 84mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 19mm đến 96mm ngoại trừ khu vực Phù Liên thấp hơn TBNN -15mm (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 12 đến 86mm.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II/2018 đến tháng II/2019 tại trạm Phù Liên

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 - 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 16 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng II/2019 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-12 giờ đến 50 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 43 giờ đến 101 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng II/2019 ở các nơi dao động phổ biến từ 74% đến 96%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 8%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 7/II tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 25mm đến 56mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa -63mm đến 32mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 6mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 7 ngày.
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 2 ngày

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 21,2⁰C đến 22,5⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 4,5⁰C đến 5,7⁰C) (hình 10);

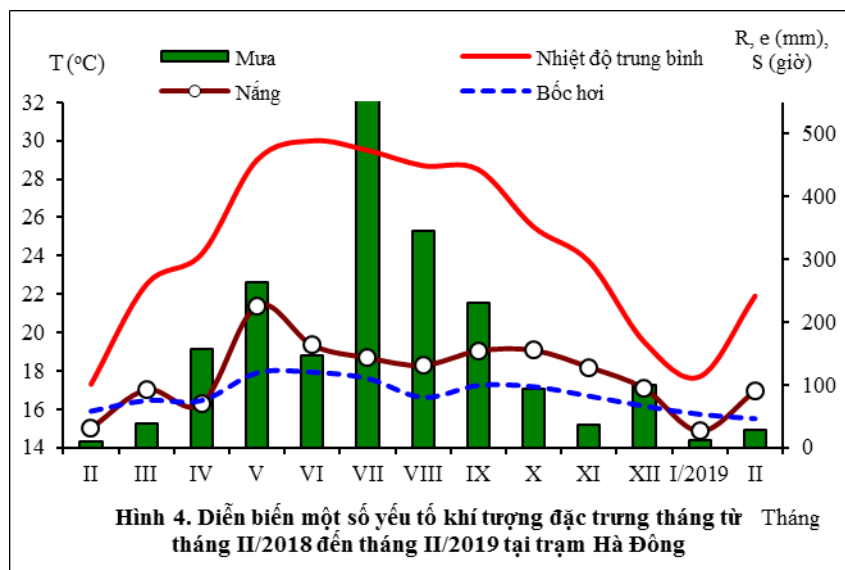
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 23,2⁰C đến 26,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,0⁰C xảy ra vào ngày 8/II tại Nho Quan;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 19,5⁰C đến 20,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,5⁰C xảy ra vào ngày 24/II tại Nam Định. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -23mm đến -10mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 11mm đến 36mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 7 đến 25mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 9 đến 16 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II/2018 đến tháng II/2019 tại trạm Hà Đông

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2019 ở các nơi trong vùng dao động từ 71 giờ đến 90 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 26 giờ đến 47 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 79% đến 95%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-6% đến 6%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 8/II tại Nho Quan.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 25mm đến 53mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 10mm đến 40mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

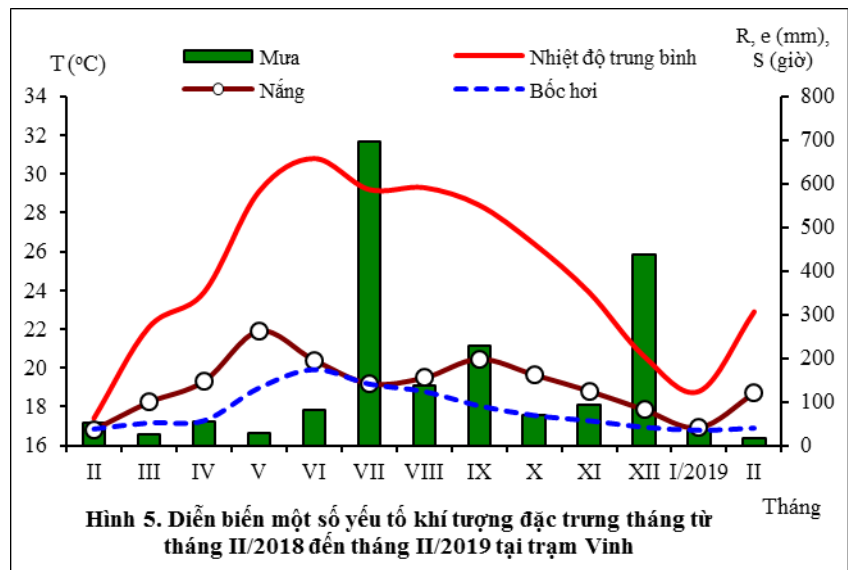
- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 10 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 4,2⁰C đến 5,6⁰C (hình 10) và có giá trị từ 22,1⁰C đến 23,7⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 25,1⁰C đến 29,4⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,8⁰C xảy ra vào ngày 8/II tại Cửa Rào.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II/2018 đến tháng II/2019 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 18,9⁰C đến 21,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,3⁰C xảy ra vào ngày 9/II tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng II/2019, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 7mm đến 75mm, tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -57mm đến 44mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3 đến 40mm, cao nhất là 70mm xảy ra vào ngày 17/II tại Thanh Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 - 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 71 đến 150 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 13 giờ đến - 93 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 23% xảy ra vào ngày 8/II tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 28mm đến 77mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 5mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-37mm đến 30mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 10 ngày.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện 1 ngày ở một số khu vực

- Đông xuất hiện 1 ngày ở một số khu vực

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2019 từ 21,7⁰C đến 25,1⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (1,9⁰C đến 5,0⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,8⁰C đến 31,1⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 35,5⁰C xảy ra vào ngày 7/II tại Tuyên Hóa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 17,4⁰C đến 22,7⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 12,7⁰C xảy ra vào ngày 9/II tại Huế.

6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng II/2019, ngoại trừ Ba Đồn có lượng mưa đạt 69mm, hầu hết các khu vực đều dưới 10mm, một số khu vực cả tháng không có mưa như Khe Sanh, Nam Đông, Huế, Trà My. Lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -62mm đến 31mm.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1 mm đến 19mm, cao nhất là 51mm xảy ra vào ngày 17/II tại Ba Đồn.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 28 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng II đến tháng II/2019 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 125 giờ đến 254 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (53 giờ đến 123 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 80% đến 92%, phổ biến ở mức

xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -7% đến -2%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 19% xảy ra vào ngày 18/II tại Đồng Hới.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 22mm đến 73mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-34mm đến 73mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 2 ngày.

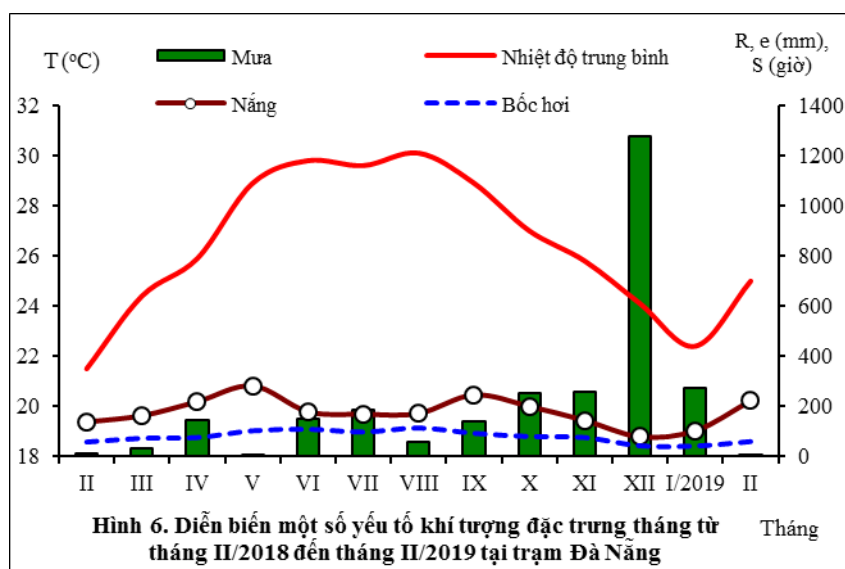
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2019 từ 24,3⁰C đến 26,4⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,1 đến 2,0⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,2⁰C đến 31,4⁰C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 33,6⁰C xảy ra vào ngày 28/II tại Cam Ranh.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,9⁰C đến 23,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 18,3⁰C, xảy ra vào ngày 1/II tại Hoài Nhơn.

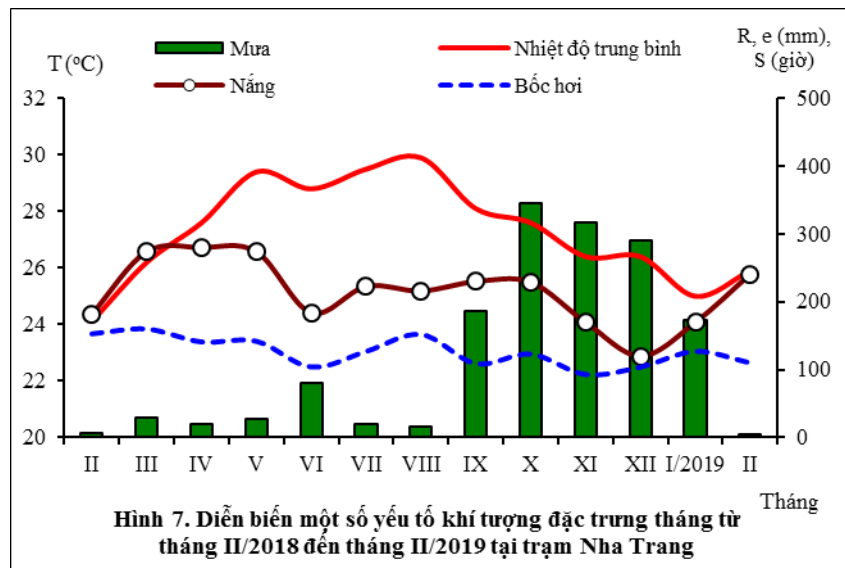


Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II/2018 đến tháng II/2019 tại trạm Đà Nẵng

Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng II đến tháng II/2019 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng II/2019, ở hầu hết các khu vực lượng mưa đều dưới 5mm, đặc biệt một số vùng như Quy Nhơn, Tuy Hòa cả tháng không có mưa. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -10mm đến -32mm).



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II/2018 đến tháng II/2019 tại trạm Nha Trang

Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng II đến tháng II/2019 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 3mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 1 đến 2 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 14 đến 28 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2019 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 241 giờ đến 280 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 75 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 40% xảy ra vào ngày 28/II tại Cam Ranh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 54mm đến 121mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (70mm đến 120mm).

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2019 từ 17,4°C đến 24,5°C;

phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,4⁰C đến 2,1⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24,7⁰C đến 33,1⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,3⁰C xảy ra vào ngày 19/II tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 12,4 đến 19,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 8,7⁰C xảy ra vào ngày 28/II tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng II đến tháng II/2019 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

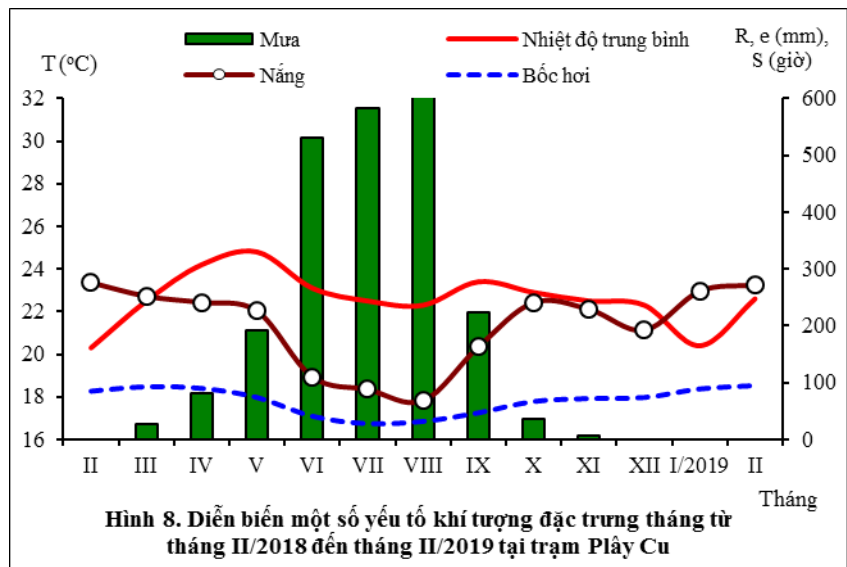
- Tổng lượng mưa tháng II/2019 ngoại trừ Kon Tum có lượng mưa đạt 53mm, Bảo Lộc là 18mm còn lại các khu vực khác cả tháng đều không có mưa. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -28mm đến 46mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 13mm, cao nhất là 20mm xảy ra vào ngày 21/II tại Kon Tum. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 1 đến 4 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 11 đến 28 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng II đến tháng II/2019 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2019 phổ biến từ 227 giờ đến 281 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-16 giờ đến 35 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II/2018 đến tháng II/2019 tại trạm Plây Cu

quanh giá trị TBNN từ -7% đến 2% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 64% đến 84%; độ ẩm không khí thấp nhất là 18% xảy ra vào ngày 10/II tại Đắc Tô.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 67mm đến 147mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm. Hầu hết các khu vực có lượng bốc hơi cao hơn giá trị lượng mưa từ 69m đến 116mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

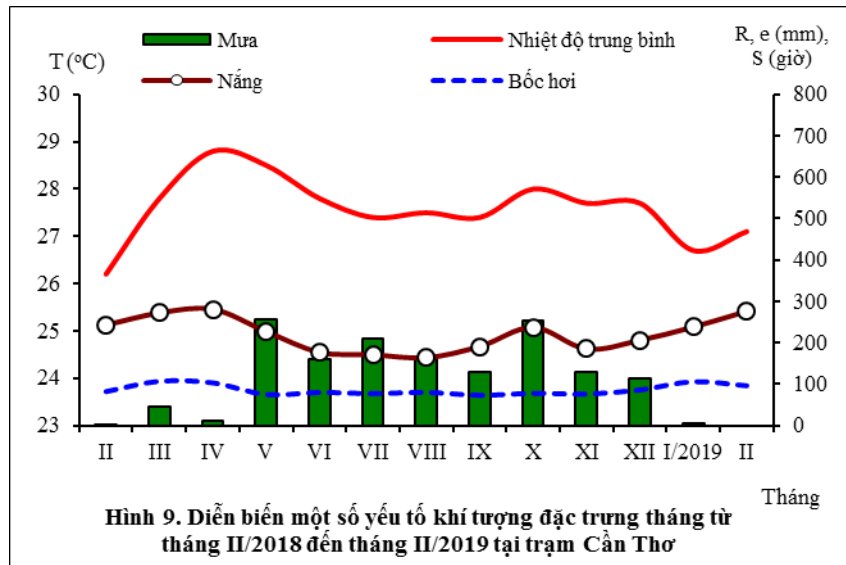
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 4 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 3 ngày với cường độ nhẹ.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng II/2019 từ 26,0⁰C đến 28,6⁰C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3⁰C đến 1,9⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 27,7⁰C đến 35,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,6⁰C xảy ra vào ngày 11/II tại Phước Long.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng II/2018 đến tháng II/2019 tại trạm Cần Thơ

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,6⁰C đến 25,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 17,5⁰C xảy ra vào ngày 11/II tại Trị An. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng II đến tháng II/2019 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng II/2019, ngoại trừ một số khu vực có mưa như Tây Ninh (6mm), Trị An (7mm), Rạch Giá (17mm) và Cà Mau (8mm) với 1 ngày có mưa còn lại các khu vực khác cả tháng không có mưa.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng II/2019 phổ biến từ 225 giờ đến 277 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-21 giờ đến 28 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 64% đến 81%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 5% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 21% xảy ra vào ngày 27/II tại Phước Long.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 85mm đến 162mm, lượng bốc hơi

ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng (48mm đến 127mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 2 ngày.
- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở khu vực Đông Nam Bộ từ 2 - 19 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG II/2019

Điều kiện KTNN tháng II/2019 ở hầu hết các vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt cao, tổng lượng mưa tháng quá ít hoặc không có mưa trong khi đó lượng bốc hơi cao gây tình trạng thiếu nước nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh phía Bắc liên tiếp xuất hiện các đợt không khí lạnh tăng cường vào cuối tháng I, đầu và trung tuần tháng II gây ra các đợt rét đậm, rét hại làm ảnh hưởng đến tiến độ gieo cấy lúa vụ đông xuân 2018-2019. Ở các tỉnh phía Nam, hạn hán ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, thời tiết không mưa hoặc lượng mưa không đáng kể cùng với các đợt xâm nhập mặn đã gây ảnh hưởng lớn cho bà con nông dân.

Sản xuất nông nghiệp tháng II tập trung chủ yếu vào việc gieo cấy vụ đông xuân, thu hoạch các cây vụ đông, chăm sóc bón phân, phòng trừ sâu bệnh và giữ nước cho diện tích lúa đông xuân sớm đã gieo cấy ở các tỉnh Miền Bắc. Các tỉnh phía Nam đã kết thúc gieo cấy lúa vụ đông xuân, chăm sóc lúa chính vụ và thu hoạch các trà đông xuân sớm, đồng thời tranh thủ làm đất gieo trồng các loại cây màu vụ xuân, cây công nghiệp ngắn ngày và rau đậu các loại

Đến cuối tháng II, cả nước đã gieo cấy được 2786.2 nghìn ha lúa Đông xuân. Diện tích gieo cấy lúa Đông xuân các tỉnh phía Bắc đạt 799,1 nghìn ha, tăng 12,8 % so với cùng kỳ. Các địa phương phía Nam đã cơ bản kết thúc xuống giống lúa Đông xuân đạt tổng diện tích 1987,1 nghìn ha, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long xuống giống đạt gần 1.599 nghìn ha, tăng 2,2% cùng kỳ.

1. Đối với cây lúa

Các tỉnh miền Bắc:

Tháng II là tháng cuối mùa đông ở các tỉnh Miền Bắc. Tuy nền nhiệt đã tăng cao so với các tháng trước và cao hơn TBNN, tuy nhiên vào đầu tháng vẫn xuất hiện các đợt không khí lạnh tăng cường làm ảnh hưởng đến tiến độ gieo mạ xuân. Ngoài ra, lượng mưa và các yếu tố khí tượng khác cũng đã tăng so với tháng trước nhưng vẫn thấp hơn giá trị TBNN. Lượng mưa thấp kết hợp với nền nhiệt cao, nắng nhiều làm lượng bốc hơi tăng cao, cao hơn rất nhiều so với lượng mưa, nhiều khu vực sông suối, ao hồ bắt đầu cạn kiệt, xuất hiện các đợt hạn cục bộ.

Tại các tỉnh phía Bắc, bên cạnh thời tiết đầu vụ thuận lợi, Tết Nguyên đán năm nay đến sớm hơn năm 2018 nên các địa phương đã tranh thủ xuống giống sớm vụ đông xuân làm cho tiến độ gieo cấy đạt nhanh hơn cùng kỳ năm trước, trong đó: Nam Định đạt 63,8 nghìn ha, tăng 19 nghìn ha; Hà Nội đạt 31 nghìn ha, tăng 21 nghìn ha; Bắc Ninh đạt 13,8 nghìn ha, tăng 10,9 nghìn ha. Hiện nay lúa đông xuân sinh trưởng và phát triển tốt. Tuy nhiên, dự báo nắng nóng có khả năng xuất hiện sớm tại phía Tây Bắc Bộ và Trung Bộ, do đó các địa phương cần kết thúc gieo cấy lúa đông xuân trong tháng II/2019. Thời tiết nắng ấm cũng khiến sâu bệnh gây hại trên lúa diễn biến phức tạp, nhất là bệnh lùn sọc đen phương nam, đạo ôn, bọ trĩ, ốc bươu vàng..., ngành nông nghiệp cần theo dõi sát diễn biến tình hình sâu bệnh, xử lý kịp thời các ổ bệnh để không ảnh hưởng đến sự phát triển của cây lúa. Để tạo điều kiện cho nông dân gieo cấy lúa và trồng màu trong khung thời vụ tốt nhất, nhiều địa phương tập trung ưu tiên, sử dụng tối đa công suất các trạm bơm, máy bơm các loại để lấy nước phục vụ đắp ải và tưới dưỡng cho mạ mới gieo, đồng thời tích trữ vào các kênh mương ao, hồ...đảm bảo đủ lượng nước cần thiết để gieo cấy lúa xuân trên địa bàn kịp thời vụ.

Miền Trung:

Hiện nay vụ Đông Xuân năm 2018-2019 đang trong thời kỳ tưới cao điểm, nhưng tình hình thời tiết diễn biến hết sức bất lợi, do ảnh hưởng của hiện tượng ElNino, nắng nóng xảy ra trên diện rộng, kéo dài với nhiệt độ cao, nhiệt độ trung bình trong tháng II cao hơn trung bình nhiều năm từ 1,1⁰C-5,6⁰C, độ ẩm thấp, lượng bốc hơi nhanh trong khi đó lượng mưa rất thấp, nhiều khu vực cả tháng chỉ có 1 – 2 ngày mưa với lượng mưa nhỏ hơn 5mm, đặc biệt một số khu vực cả tháng không có mưa như: Tuy Hòa, Quy Nhơn, Trà My, Huế, Nam Đông, Khe Sanh...

Các tỉnh miền Nam: Tình trạng khô hạn ở nhiều khu vực vẫn tiếp diễn, hầu hết các tỉnh ở Nam Bộ và Tây Nguyên đều không có mưa, một số khu vực có 1 – 2 ngày mưa nhưng lượng mưa không đáng kể trong khi đó lượng bốc hơi từ 70mm đến 162mm đã gây những trở ngại lớn cho sản xuất lúa vụ đông xuân.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Cùng với việc gieo cấy lúa Đông xuân, tính đến cuối tháng, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 169,8 nghìn ha ngô, bằng 94,9% cùng kỳ năm trước; 38,1 nghìn ha khoai lang, bằng 92,1%; 10,4 nghìn ha đậu tương, bằng 106,3%; 64,5 nghìn ha lạc, bằng 100,2%; 408,7 nghìn ha rau đậu, bằng 108%.

Chè ở Mộc Châu và Phú Hộ đang trong thời kỳ chè lớn nảy chồi, ở Ba Vì đang trong thời kỳ lá thật thứ nhất, do thời tiết khô hanh, ít mưa nên trạng thái sinh trưởng từ xấu đến trung bình

Ở Bắc Trung Bộ: lạc, đang trong thời kỳ lá thật thứ 3, đậu tương nảy chồi, trạng thái sinh trưởng trung bình (bảng 1)

Cà phê ở Tây Nguyên, Xuân Lộc đang trong thời kỳ nở hoa, trạng thái sinh trưởng trung bình đến tốt (bảng 1).

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng II/2019

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Văn Chấn	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
2		Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	Xấu	Rất khô
3		Điện Biên	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
4		Tuyên Quang	Lúa xuân đẻ nhánh	khá	ẩm
5	Đông Bắc	Bắc Giang	Cây lúa chiêm	Khá	3 cm
6		Lạng Sơn	Chuyên vụ		
7		Uông Bí	Lúa chiêm BRHX	Khá	4 cm
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn nảy chồi	TB	TB
9		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	Tương đối khô
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa xuân BRHX	Khá	4 cm
11		Hải Dương	Lúa chiêm BRHX	Khá	4 cm

12		Hung Yên	Lúa xuân cấy	Khá	ảm
13		Hoài Đức	Lúa xuân lá thứ 3	Khá	Ảm
14		Thái Bình	Lúa chiêm cấy	khá	3 cm
15		Nam Định	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	10 cm
16		Ninh Bình	Lúa xuân cấy	TB	3 cm
17		Thanh Hóa	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
18	Duyên hải Miền Trung	Yên Định	Lạc lá thứ 3 Đậu tương mọc mầm	TB	TB
19		Đô Lương	Lúa xuân đẻ nhánh	TB	3 cm
20		Quỳnh Lưu	Lúa chiêm đẻ nhánh	TB	3 cm
21	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê nở hoa	Tốt	Tương đối khô
22		An Nhơn	Lúa xuân chín hoàn toàn	TB	3 cm
23	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê nở hoa	TB	Tương đối khô
24		Mỹ Tho	Lúa mùa mọc dón	TB	3 cm
25		Tuy Hoà	Lúa xuân mọc dón	Khá	3 cm
26		Bạc Liêu	Lúa mùa mọc dón		
27		Trà Nóc	Lúa xuân ngâm sữa	khá	3cm

3. Tình hình sâu bệnh

Theo thống kê của Cục Bảo vệ Thực vật tình hình sinh vật gây hại cây lúa trong tháng 2/2019 diễn ra như sau:

- *Rầy hại lúa*: Diện tích nhiễm 44.232 ha, nhiễm nặng 2.091 ha, diện tích phòng trừ 1.213 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Sóc Trăng, An Giang, Long An, Bạc Liêu, Hậu Giang, Bình Thuận, Lâm Đồng...

- *Bệnh đạo ôn*

+ Bệnh đạo ôn hại lá: Diện tích nhiễm 16.793 ha, nặng 148 ha. Diện tích phòng trừ 2.186 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, Đồng Nai, Sóc Trăng, Tiền Giang, Bạc Liêu, Long An, Trà Vinh...

+ Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 6.921 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Đồng Tháp, Đồng Nai, Khánh Hòa, An Giang, Sóc Trăng, ...

- *Bệnh khô vằn*: Diện tích nhiễm 251 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau, An Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long ...

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 14.643 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau, An Giang, Sóc Trăng, Vĩnh Long ...

- *Bệnh bạc lá*: Diện tích nhiễm 6.410 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam Bộ.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm 8.808 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- *Chuột*: Diện tích hại 6.316 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- *Ốc bươu vàng*: Diện tích hại 31.905 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG III-V NĂM 2019

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ III-V năm 2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên hầu hết diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai NĐTĐB mùa được dự báo phổ biến từ 0 đến 1,5°C

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa III - V năm 2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên phần lớn diện tích cả nước, với xác suất 44 đến trên 77%. Chuẩn sai lượng mưa được dự báo phổ biến từ 0 đến 200mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Không khí lạnh: Số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN.

Nắng nóng: Hiện tượng nắng nóng chủ yếu tác động ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ, với số ngày nắng nóng ở mức xấp xỉ TBNN.

Đông lốc, mưa đá: Trong các tháng tiếp theo, cần đề phòng nguy cơ đông lốc và mưa đá ở các tỉnh vùng núi cao Bắc Bộ.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng II và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng III/2019 và dự báo khí hậu 3 tháng III, IV, V/2019 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Chăm sóc trà lúa đông xuân sớm
- Kết thúc gieo cấy lúa xuân muộn vào đầu tháng 3
- Chuẩn bị các biện pháp phòng trừ sâu bệnh lúa đông xuân
- Trồng rau màu (ngô, lạc, đậu tương) ở các vùng núi phía Bắc
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn để đủ nước tưới dưỡng cho lúa.

2. Miền Trung:

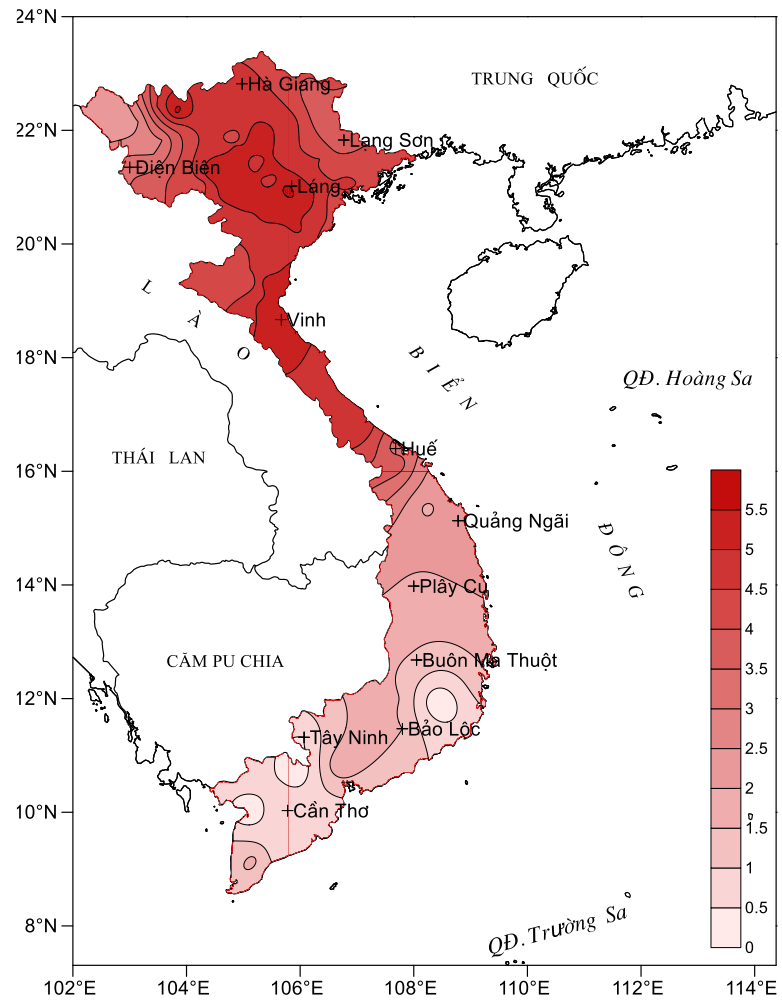
- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;
- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.

3. Miền Nam:

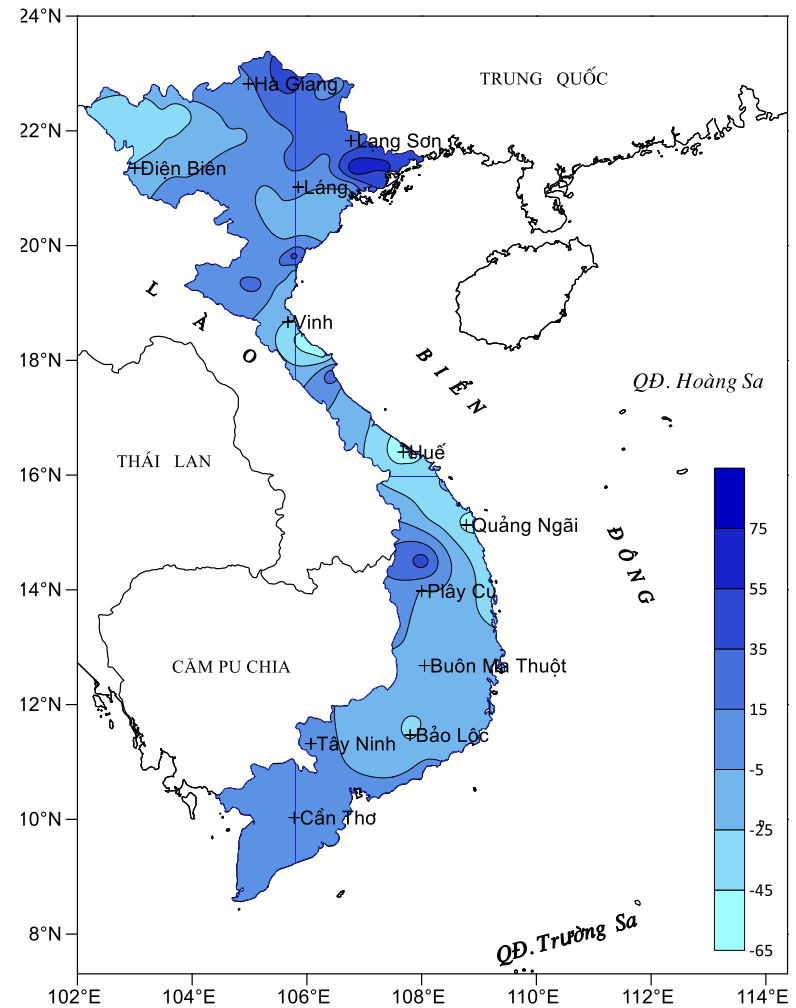
- Thu hoạch lúa đông xuân
- Sạ thẳng lúa xuân hè
- Thu hoạch rau màu vụ đông xuân ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ
- Phòng trừ bệnh đạo ôn phát triển trên lúa xuân muộn, tiêu diệt các sâu bệnh khác đang hình thành
- Tích cực các biện pháp chống hạn và xâm nhập mặn

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

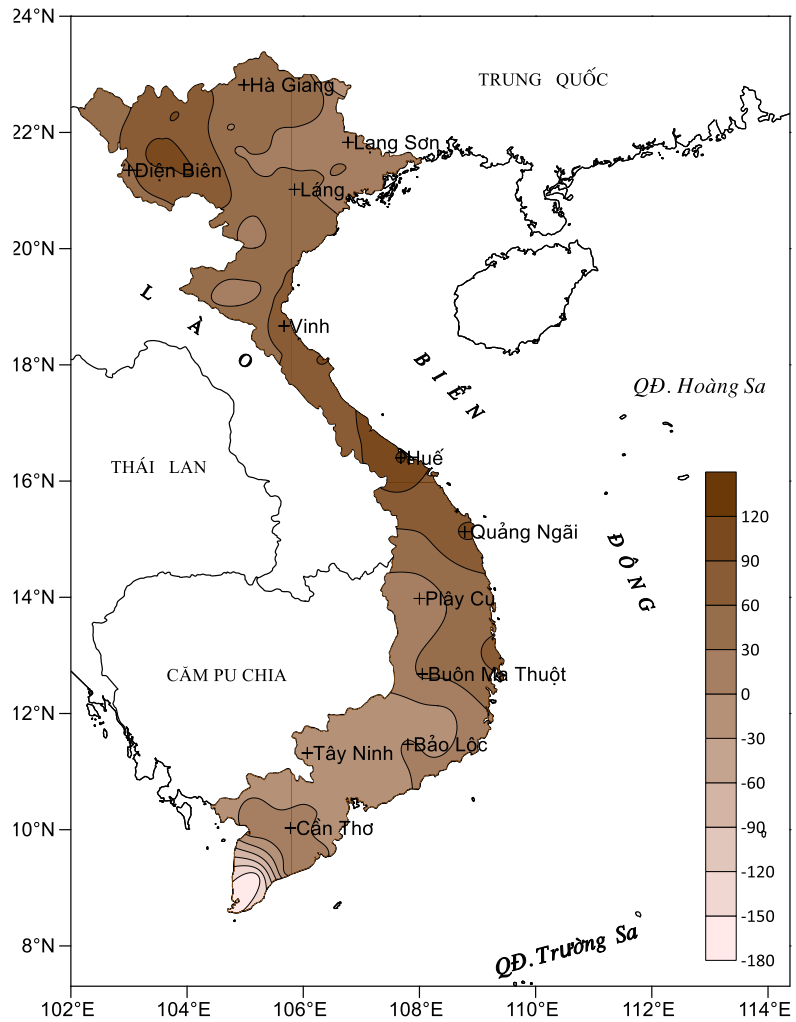
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng III, IV, V năm 2019;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng III năm 2019 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng II năm 2019 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



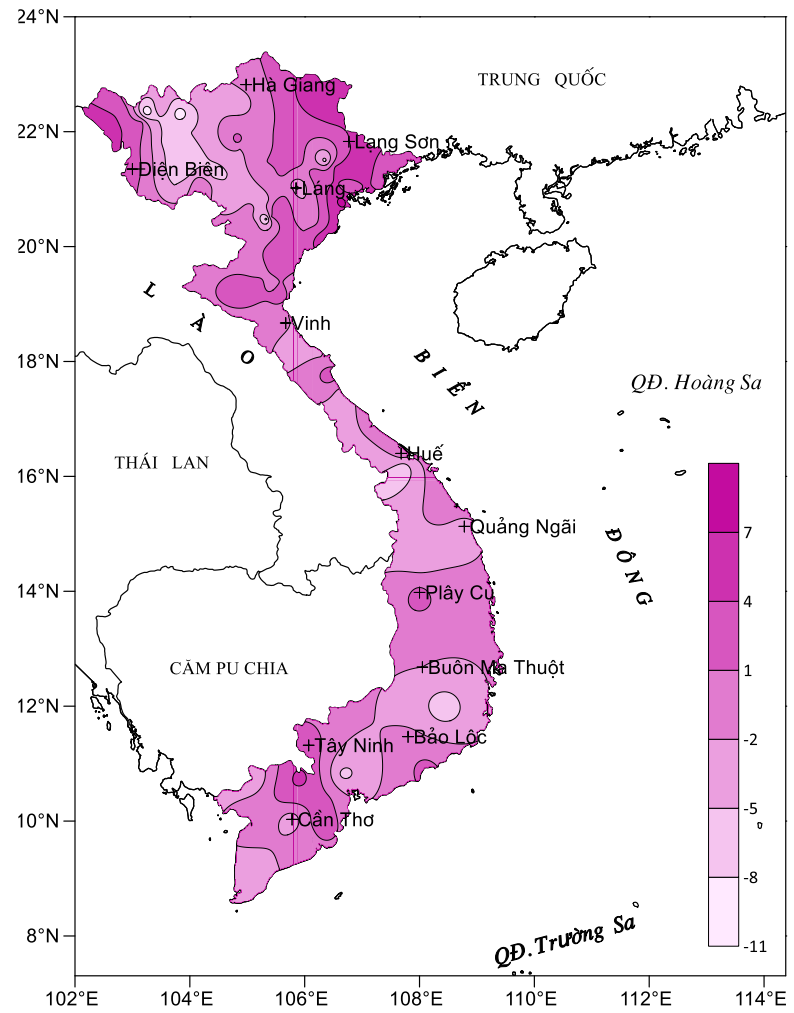
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng II/2019 so với TBNN (°C)



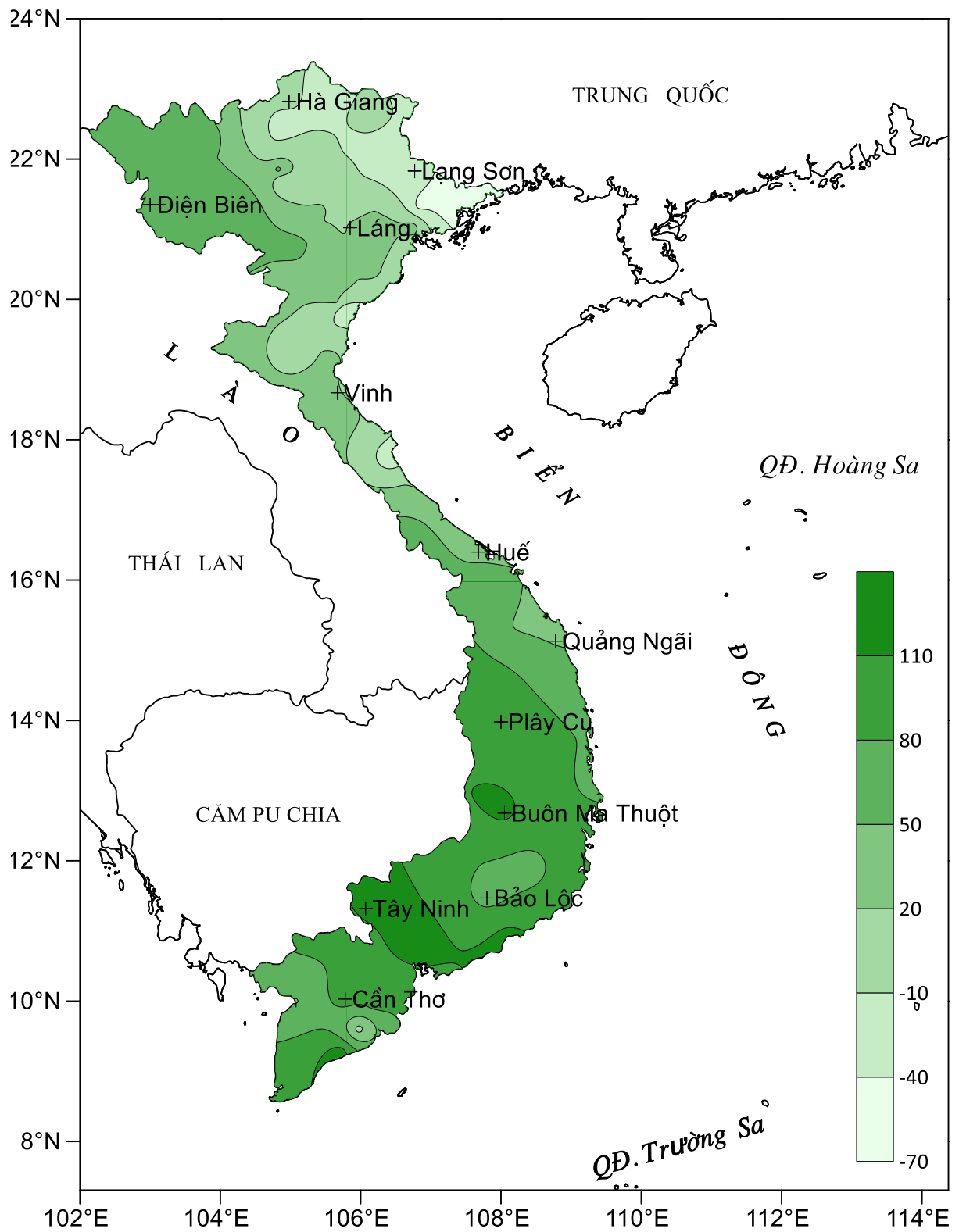
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng II/2019 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng II/2019 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng II/2019 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng II/2019 (mm)